

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 8 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
TỈNH THANH HÓA**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng mực nước trên các sông có những đợt dao động nhỏ, trên thượng lưu sông Mã, sông Bưởi xảy ra 2-4 đợt lũ nhỏ với biên độ lũ lên từ 1.00 – 2.53m. Đỉnh lũ còn ở mức dưới BĐ1. Mực nước lũ sông Cầu Chày đang lên chậm. Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng ngọt) mực nước dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi. Hạ lưu sông Yên và vùng cửa sông ven biển dao động theo thủy triều.

Mực nước trung bình tháng phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng trên sông Mã tại trạm TV Mường Lát là $384\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 15.0%, thấp hơn cùng kỳ năm 2025 là 41.0%; tại trạm TV Cẩm Thủy là $588\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 7.0%, thấp hơn cùng kỳ năm 2025 là 48.0%. Trên sông Chu tại trạm TV Cửa Đạt là $75.7\text{m}^3/\text{s}$, thấp hơn so với TBNN cùng kỳ là 35.0%, thấp hơn cùng kỳ năm 2025 là 63.0%.

Tình hình hồ chứa:

Mực nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/01/8 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 151.81m, thấp hơn so với MNDBT là 8.19m, đạt 73.2% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Cửa Đạt ở mức 85.60m, thấp hơn MNDBT là 24.40m, đạt 43.8% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Hòa Na (tỉnh Nghệ An) ở mức 218.91m, thấp hơn so với MNDBT là 21.09m, đạt 39.0% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Sông Mực ở mức 28.82m, thấp hơn MNDBT là 4.18m, đạt 56.6% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Yên Mỹ ở mức 15.01m, thấp hơn MNDBT là 5.35m, đạt 42.8% so với dung tích được tích.

2. Dự báo, cảnh báo

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi): Trong tháng có khả năng xảy ra từ 2-3 đợt lũ.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều) dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Mực nước lớn nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng, mực nước nhỏ nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ đầu tháng, mực nước trung bình tháng tại các trạm hạ lưu sông Mã, sông Chu, sông Bưởi ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mực nước lớn nhất và nhỏ nhất tháng xuất hiện vào thời kỳ giữa tháng; mực nước trung bình tháng ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng mưa lớn cục bộ có thể gây lũ quét trên các sông suối nhỏ, sạt lở đất trên sườn dốc và ngập úng khu vực trũng thấp, các khu đô thị.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Lũ quét, sạt lở, sụt lún đất có thể gây tác động rất xấu đến môi trường, uy hiếp tính mạng, tài sản của người dân; phá hủy các công trình dân sinh, kinh tế, gây thiệt hại cho các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh tế-xã hội, gây tắc nghẽn giao thông cục bộ, làm ảnh hưởng tới quá trình di chuyển của các phương tiện.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 01/9/2026

Tin phát lúc: 15h55 ngày 01/8/2026

Dự báo viên: Nguyễn Danh Lam

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

Phụ lục 1: Bảng đặc trưng mực nước thực đo và dự báo các trạm tháng 8/2026**Đơn vị: cm**

Sông	Trạm	Thực đo tháng trước			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			11 ngày cuối			Đặc trưng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16600	16817	16459	16700	16900	16540	16750	16950	16575	16800	17150	16600	16750	17150	16540
Mã	Hồi Xuân	5506	5670	5364	5600	5800	5480	5650	5820	5520	5700	5900	5550	5650	5900	5480
Mã	Cầm Thủy	1298	1458	1135	1350	1510	1250	1400	1550	1300	1450	1650	1300	1400	1650	1250
Mã	Lý Nhân	308	466	143	350	520	300	400	600	350	450	750	420	400	750	300
Mã	Giàng	54	215	-100	60	170	-80	55	180	-90	75	220	-70	63	220	-90
Mã	Quảng Châu	19	177	-132	25	150	-110	20	160	-120	40	190	-95	28	190	-120
Lèn	Lèn	96	253	-46	100	210	-35	95	225	-45	115	280	-25	103	280	-45
Lèn	Cụ Thôn	79	237	-56	85	200	-45	80	215	-55	100	260	-35	88	260	-55
Âm	Lang Chánh	4696	4809	4677	4705	4750	4685	4710	4800	4695	4720	4850	4700	4712	4850	4685
Chu	Cửa Đạt	2735	2758	2688	2735	2750	2685	2740	2760	2690	2745	2800	2700	2740	2800	2685
Chu	Bãi Thượng	1078	1187	1013	1080	1160	1015	1105	1150	1020	1110	1220	1030	1098	1220	1015
Chu	Xuân Khánh	121	206	68	130	220	100	145	240	125	165	300	140	147	300	100
Bưởi	Thạch Quảng	704	865	660	750	880	680	800	920	700	900	1400	730	817	1400	680
Bưởi	Kim Tân	330	497	239	380	600	350	500	700	400	600	1000	500	493	1000	350
Yên	Chuối	34	117	-46	40	90	-35	35	100	-45	55	180	-25	43	180	-45
Yên	Ngọc Trà	20	152	-112	25	95	-95	20	105	-90	40	150	-90	28	150	-95

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



